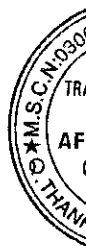


TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN

CẨM PHẢ - VINACOMIN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 33

AB
C
H
I
VI
HI
H
XU

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04/11/2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 4, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/7/2012 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

2. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch (i)
- Ông Phạm Đắc Lâm	Ủy viên (i)
- Ông Phạm Văn Thường	Ủy viên (i)
- Ông Ngô Minh Thắng	Ủy viên (i)
- Ông Nguyễn Trung Thực	Ủy viên (i)

- (i) Được bầu theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 18/NQ-ĐHĐCĐ-2013 ngày 28/5/2013 (nhiệm kỳ 2013 - 2018).

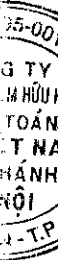
Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Đắc Lâm	Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Xuân Trình	Phó Tổng giám đốc
- Ông Dương Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Linh	Phó Tổng giám đốc (ii)
- Ông Nguyễn Trung Thực	Phó Tổng giám đốc (iii)

- (ii) Ông Nguyễn Văn Linh thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/2/2013 theo Quyết định số 89/QĐ-HĐQT ngày 26/12/2012 của Hội đồng quản trị.

- (iii) Ông Nguyễn Trung Thực được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty theo Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 28/2/2013 của Hội đồng quản trị.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, hoạt động chính của Công ty là Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống Quốc gia. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

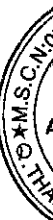
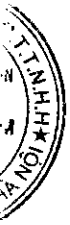
7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;



Số:508/2014/BCKT-AFCVN

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013
của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được lập ngày 24 tháng 3 năm 2014, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 33 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Cẩm Phả - Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

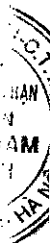
Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến điểm 4.5.1 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính: Việc thay đổi chính sách ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định của Công ty để phù hợp với chế độ Quản lý, sử dụng và trích khấu hao đối với tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính đã làm cho khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty giảm xuống so với năm 2012 (áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính) với số tiền 117.272.046.293 đồng (do thay đổi thời gian khấu hao các tài sản là máy móc thiết bị của Dự án Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2 từ 10 năm lên 15 năm; ngoại trừ Tuabin máy phát, lò hơi của 02 Dự án này vẫn được giữ nguyên thời gian khấu hao là 20 năm) từ đó làm cho lợi nhuận năm 2013 của Công ty tăng lên so với việc áp dụng thời gian khấu hao các tài sản này như năm 2012 số tiền tương ứng.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc CN Hà Nội
Số Giấy CNDKHN: 0576-2013-009-1

Nguyễn Trung Thành
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN: 1673-2013-009-1



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		982.440.938.402	715.711.289.331
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	13.101.565.232	8.055.619.262
Tiền	111		13.101.565.232	8.055.619.262
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		842.179.318.152	608.678.799.842
Phải thu khách hàng	131		831.039.210.716	601.076.465.928
Trả trước cho người bán	132		909.250.141	271.226.123
Các khoản phải thu khác	135	5.2	10.230.857.295	7.331.107.791
Hàng tồn kho	140		127.068.808.190	98.009.308.074
Hàng tồn kho	141	5.3	127.068.808.190	98.009.308.074
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		91.246.828	967.562.153
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	967.562.153
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	154	5.4	91.246.828	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.441.191.438.649	9.123.768.029.456
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		8.230.478.579.435	8.790.983.054.414
TSCĐ hữu hình	221	5.5	8.229.316.727.726	8.761.537.782.063
- Nguyên giá	222		10.245.972.393.868	10.240.228.192.022
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(2.016.655.666.142)	(1.478.690.409.959)
TSCĐ vô hình	227	5.6	14.666.680	44.000.008
- Nguyên giá	228		88.000.000	88.000.000
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(73.333.320)	(43.999.992)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.7	1.147.185.029	29.401.272.343
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		210.712.859.214	332.784.975.042
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	210.712.859.214	332.784.975.042
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.423.632.377.051	9.839.479.318.787

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ

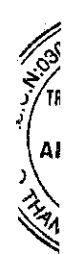
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.870.248.611.678	8.440.366.625.647
Nợ ngắn hạn	310		1.248.940.114.920	1.001.487.390.204
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312		1.131.127.919.452	950.896.499.711
Người mua trả tiền trước	313		143.278.995	124.640.475
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	4.543.069.488	23.382.740.818
Phải trả người lao động	315		9.579.668.195	7.611.606.365
Chi phí phải trả	316	5.10	97.047.444.831	15.944.977.246
Phải trả nội bộ	317		249.690.849	238.816.273
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	3.680.685.995	1.579.270.965
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.568.357.115	1.708.838.351
Nợ dài hạn	330		6.621.308.496.758	7.438.879.235.443
Vay và nợ dài hạn	334	5.12	6.621.308.496.758	7.438.879.235.443
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.553.383.765.373	1.399.112.693.140
Vốn chủ sở hữu	410	5.13	1.553.383.765.373	1.399.112.693.140
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(416.422.457.509)	(570.693.529.742)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.423.632.377.051	9.839.479.318.787



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		749,69	590,41
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



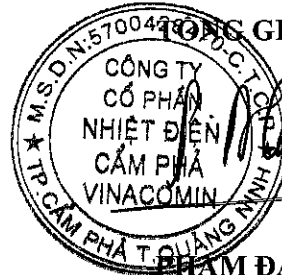
NGUYỄN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN THƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM ĐẮC LÂM

JAA
 CC
 ÁCH
 KIẾ
 C V
 CHI
 H
 Y XI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.561.037.522.543	2.638.427.179.711
Các khoản giảm trừ	02	6.2	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	3.561.037.522.543	2.638.427.179.711
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	2.727.192.013.967	2.032.956.752.801
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		833.845.508.576	605.470.426.910
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	8.169.439.089	13.908.032.750
Chi phí tài chính	22	6.6	653.783.489.099	593.317.521.727
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		444.029.575.591	474.339.306.386
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.986.200.303	28.082.952.686
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		153.245.258.263	(2.022.014.753)
Thu nhập khác	31		2.788.989.916	3.119.357.519
Chi phí khác	32		1.763.175.946	677.736.371
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.025.813.970	2.441.621.148
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		154.271.072.233	419.606.395
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		154.271.072.233	419.606.395
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		783,18	2,13

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



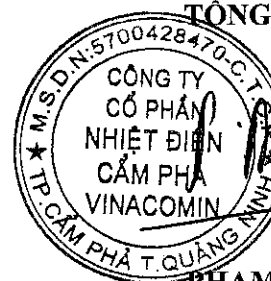
NGUYỄN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN THƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC




PHẠM ĐẮC LÂM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
Thuế	10	23.382.740.818	150.263.928.973	169.194.847.131	4.451.822.660
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	19.701.452.682	146.877.891.611	162.181.317.405	4.398.026.888
Thuế GTGT hàng NK	12	-	488.569.686	488.569.686	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	50.940.291	50.940.291	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	16	2.881.290.025	1.271.581.860	4.007.829.285	145.042.600
Thuế Nhà đất	17	23.790.500	48.227.253	1.082.884.127	(1.010.866.374)
Tiền thuê đất	18	417.428.324	608.611.131	22.940.820	1.003.098.635
Các khoản thuế khác	19	358.779.287	918.107.141	1.360.365.517	(83.479.089)
<i>Thuế môn bài</i>		-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		136.416.591	915.107.141	1.135.002.821	(83.479.089)
<i>Các loại thuế khác</i>		222.362.696	-	222.362.696	-
Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	23.382.740.818	150.263.928.973	169.194.847.131	4.451.822.660

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN THƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM ĐẮC LÂM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04/11/2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 4, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/07/2012 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống Quốc gia.

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Vốn điều lệ của Công ty là 2.179.900.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 4 ngày 27/07/2012 như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
- Tổng Công ty Điện lực – Vinacomin	78% vốn điều lệ
- Công ty CP Than Cọc 6	02% vốn điều lệ
- Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm	02% vốn điều lệ
- Công ty CP Than Tây nam Đá Mài	01% vốn điều lệ
- Công ty CP Than Đèo Nai	01% vốn điều lệ
- Công ty CP Than Cao Sơn	01% vốn điều lệ
- Công ty CP Than Mông Dương	01% vốn điều lệ
- Công ty TNHH MTV Than Thống nhất	01% vốn điều lệ
- Công ty TNHH MTV Than Dương Huy	01% vốn điều lệ
- Tổng Công ty XD công nghiệp Việt Nam	12% vốn điều lệ

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 735 người, trong đó số cán bộ quản lý là 56 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam đặc thù áp dụng cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán dưới đây.

Thay đổi chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Từ ngày 10/06/2013, Công ty áp dụng Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính thay cho Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 để ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định.

Việc thay đổi chính sách ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định để phù hợp với chế độ Quản lý, sử dụng và trích khấu hao đối với tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính như nêu trên đã làm cho khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty giảm xuống so với năm 2012 (áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính) với số tiền 117.272.046.293 đồng (do thay đổi thời gian khấu hao các tài sản là máy móc thiết bị của Dự án Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2 từ 10 năm lên 15 năm; ngoại trừ Tuabin máy phát, lò hơi của 02 Dự án này vẫn được giữ nguyên thời gian khấu hao là 20 năm) từ đó làm lợi nhuận năm 2013 của Công ty tăng lên so với việc áp dụng thời gian khấu hao các tài sản này như năm 2012 số tiền tương ứng.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

48995
CÔNG
NHIỆM
TIÊM T
VIỆT
HI NH
HÀ N
XUÂN

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại tại Công văn hướng dẫn của Vinacomin số 136/TKV-KT ngày 06/01/2014 là 21.085 VND/USD.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ không phải là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phân ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí sản xuất, kinh doanh, thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

4.4 Hàng tồn kho

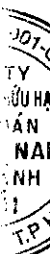
Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, CCDC Nhập trước, xuất trước



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Sản phẩm dở dang Chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 (áp dụng đến hết ngày 09/06/2013) của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 (áp dụng kể từ ngày 10/06/2013) của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Việc thay đổi chính sách ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định để phù hợp với chế độ Quản lý, sử dụng và trích khấu hao đối với tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính như nêu trên đã làm cho khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty giảm xuống so với năm 2012 (áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính) với số tiền 117.272.046.293 đồng (do thay đổi thời gian khấu hao các tài sản là máy móc thiết bị của Dự án Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2 từ 10 năm lên 15 năm; ngoại trừ Tuabin máy phát, lò hơi của 02 Dự án này vẫn được giữ nguyên thời gian khấu hao là 20 năm) từ đó làm lợi nhuận năm 2013 của Công ty tăng lên so với việc áp dụng thời gian khấu hao các tài sản này như năm 2012 số tiền tương ứng.

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 (áp dụng đến hết ngày 09/06/2013) của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 (áp dụng kể từ ngày 10/06/2013) của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.7 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng. Chi phí phải trả của Công ty chủ yếu là tiền lãi vay phải trả.

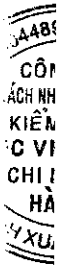
4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.9 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

- (i) Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa vào sản lượng điện trên biên bản chốt chỉ số công tơ điện và giá điện được tính toán kết hợp dựa theo hợp đồng số 06/2012/HĐ-NMD - CP ngày 21/06/2012 (Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2) ký giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin và giá của thị trường phát điện cạnh tranh.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, được ghi nhận dựa trên thông báo của ngân hàng.

4.10 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá.

4.11 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm điện của Công ty là 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.12 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

35-0
G T Y
H H U
T O Á
T M
H A N
N O I
N - T

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và tương đương tiền**

		<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	212.151.945	49.814.214
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	12.889.413.287	8.005.805.048
Các khoản tương đương tiền	(iii)	-	-
Cộng		<u>13.101.565.232</u>	<u>8.055.619.262</u>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2013 bao gồm:			<u>VND</u>
Đồng Việt Nam			212.151.945
Ngoại tệ			-
Cộng			<u>212.151.945</u>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2013 bao gồm:		<u>USD</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam			
<i>Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam Chi nhánh Cẩm Phả</i>			199.573.619
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Cẩm Phả</i>			8.678.351.072
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương – CN Quảng Ninh</i>			1.206.351.312
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</i>			2.789.330.071
Ngoại tệ			
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương– CN Quảng Ninh</i>	693,84	#	14.629.616
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Cẩm Phả</i>	55,85	#	1.177.597
Cộng	<u>749,69</u>		<u>12.889.413.287</u>

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

		<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Thuế GTGT tạm nhận nợ với Cty TNHH Công trình Điện Cấp Nhĩ Tân		4.545.496.440	4.545.496.440
Thuế GTGT chưa được khấu trừ		5.236.714.365	2.531.488.807
Phải thu người lao động		110.616.017	45.027.309
Bảo hiểm nộp thừa		274.916.105	160.383.761
Phải thu khác		63.114.368	48.711.474
Cộng		<u>10.230.857.295</u>	<u>7.331.107.791</u>

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	102.611.103.174	83.287.186.612
Công cụ dụng cụ	24.457.705.016	14.722.121.462
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	-	-
Cộng	127.068.808.190	98.009.308.074

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Thuế thu nhập cá nhân	83.479.089	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	7.767.739	-
Cộng	91.246.828	-



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.5 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	1.950.945.903.080	8.229.763.633.180	49.205.292.395	3.636.936.916	6.676.426.451	10.240.228.192.022
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	11.379.849.170	3.136.454.383	33.220.096	1.120.807.296	15.670.330.945
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Tăng do điều chuyển nhóm	-	(1.625.343.797)	1.625.343.797	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(194.251.065)	-	(194.251.065)
- Giảm khác	(66.363.359)	(3.747.970.299)	(40.463.008)	(1.343.938.676)	(4.533.142.692)	(9.731.878.034)
Số dư cuối kỳ	1.950.879.539.721	8.235.770.168.254	53.926.627.567	2.131.967.271	3.264.091.055	10.245.972.393.868
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	152.966.105.994	1.314.020.916.183	8.270.149.590	858.940.910	2.574.297.282	1.478.690.409.959
- Khấu hao trong kỳ	54.363.025.080	479.534.750.800	5.455.012.665	507.324.807	1.236.553.218	541.096.666.570
- Hao mòn trong kỳ	177.500.736	-	-	-	-	177.500.736
- Tăng do điều chuyển nhóm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(194.251.065)	-	(194.251.065)
- Giảm khác	-	(312.019.012)	(6.122.319)	(459.741.707)	(2.336.777.020)	(3.114.660.058)
Số dư cuối kỳ	207.506.631.810	1.793.243.647.971	13.719.039.936	712.272.945	1.474.073.480	2.016.655.666.142
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	1.797.979.797.086	6.915.742.716.997	40.935.142.805	2.777.996.006	4.102.129.169	8.761.537.782.063
Tại ngày cuối kỳ	1.743.372.907.911	6.442.526.520.283	40.207.587.631	1.419.694.326	1.790.017.575	8.229.316.727.726

Trong đó: - Thẻ chấp, cầm cố
 - Đã KH hết, đang SD
 - Chờ thanh lý

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.6 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	88.000.000	88.000.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	88.000.000	88.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	-	43.999.992	43.999.992
- Khấu hao trong năm	-	29.333.328	29.333.328
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	73.333.320	73.333.320
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	44.000.008	44.000.008
Tại ngày cuối năm	-	14.666.680	14.666.680

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Cẩm Phả 1	597.155.416	508.835.952
Dự án Cẩm Phả 2	550.029.613	28.892.436.391
Cộng	1.147.185.029	29.401.272.343

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.921.452.404	9.234.527.272
Lỗ CLTG trong giai đoạn đầu tư XD CB	207.791.406.810	323.550.447.770
Cộng	210.712.859.214	332.784.975.042

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	4.398.026.888	19.701.452.682
Thuế tài nguyên	145.042.600	2.881.290.025
Thuế thu nhập cá nhân	-	136.416.591
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	441.218.824
Các loại thuế khác	-	222.362.696
Cộng	4.543.069.488	23.382.740.818

95-6
 NG T
 ẨM HỮ
 TOÁ
 Ệ T I
 HẮN
 NỘI
 N - T

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Chi phí sửa chữa thuê ngoài chưa có hóa đơn	620.500.000	-
Trích trước chi phí lãi vay	92.589.892.618	3.188.623.968
Phí bảo lãnh phải trả	-	5.036.945.040
Chi phí phải trả khác	3.837.052.213	7.719.408.238
Cộng	97.047.444.831	15.944.977.246

5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

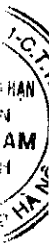
	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Kinh phí công đoàn	12.361.509	162.358.150
Bảo hiểm xã hội	-	339.147
Kinh phí hoạt động công tác đảng	101.365.185	100.702.433
Công đoàn phí	43.533.517	37.564.867
Quỹ hỗ trợ người lao động đóng	81.499.774	168.943.541
Thuế được hoàn của HPE	-	572.649.253
Phạt vi phạm hành chính thuế	-	487.605.652
Thưởng vận hành an toàn ngành điện	3.427.326.010	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.600.000	49.107.922
Cộng	3.680.685.995	1.579.270.965

5.12 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Vay dài hạn	6.621.308.496.758	7.438.879.235.443
Vay ngân hàng (i)	2.074.012.470.390	2.424.616.186.332
- Ngân hàng Ngoại Thương	1.823.103.620.259	2.099.717.911.201
- Ngân hàng Hàng Hải	250.797.641.000	324.639.066.000
- Ngân hàng ĐT và Phát triển	111.209.131	259.209.131
Vay Tổng Công ty (ii)	4.547.296.026.368	5.014.263.049.111
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	6.621.308.496.758	7.438.879.235.443

(i) Số dư tiền vay Ngân hàng tại 31/12/2013 bao gồm:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam bao gồm 01 hợp đồng với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 86.464.482,82 USD tương đương



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

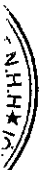
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

USD tương đương 303.850.603.025 VND) với lãi suất vay là LS Libor 6 tháng + lãi biên không quá 3.50%/năm, thời hạn vay 10 năm;

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam bao gồm 01 hợp đồng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 11.894.600,00 USD tương đương 250.797.641.000 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 78.052.453.000 VND) với lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên, thời hạn vay 10 năm;
- Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cẩm Phả bao gồm 01 hợp đồng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 111.209.131 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 111.209.131 VND) với lãi suất là 17,5%/năm, thả nổi điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày ký và có thời hạn vay tối đa 48 tháng.

(ii) Số dư tiền vay Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin tại 31/12/2013 bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số HĐ 02/2010/DLTKV CP2 ngày 30/11/2010 có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 394.017.400.000 VND với lãi suất vay là 9,9%/kỳ và có thời hạn vay là 07 năm;
- Hợp đồng tín dụng số HĐ 03/2010/DLTKV CP2 ngày 30/11/2010 có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 116.671.386.165 VND với lãi suất vay là 9,9%/năm (được điều chỉnh theo quy định của Tổng Công ty theo từng thời kỳ), thời hạn vay là 07 năm;
- Hợp đồng tín dụng số HĐ 04/2010/DLTKV CP2 ngày 30/11/2010 với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 294.799.016.848 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 là 294.799.016.848 VND) với lãi suất vay là 10,4%/năm, thời hạn vay là 05 năm;
- Hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2010/DLTKV CP1 ngày 30/11/2010 với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 155.296.700,37 USD tương đương 3.274.430.927.301 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 là 233.887.923.273 VND) với lãi suất vay là 6,05%/năm (lãi suất cố định), thời hạn vay 10 năm;
- Hợp đồng tín dụng số HĐ 03/2010/DLTKV CP1 ngày 30/11/2010 với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 10.000.000,03 USD tương đương 210.850.000.633 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 là 140.566.666.526 VND) với lãi suất vay thả nổi sibor 6 tháng + 1.4%/năm, thời hạn vay 05 năm;
- Hợp đồng tín dụng số HĐ 04/2010/DLTKV CP1 ngày 30/11/2010 với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 256.527.295.421 đồng với lãi suất vay là 9,9%/năm (được điều chỉnh theo quy định của Tổng Công ty theo từng thời kỳ), thời hạn vay là 07 năm.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.13 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ SH	Vốn khác của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý DP tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng		
Số dư đầu năm trước	1.969.658.929.882	-	2.047.343	-	-	(571.113.136.137)	1.398.547.841.088		
- Tăng vốn trong năm trước	147.293.000	-	-	-	-	-	147.293.000		
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	419.606.395	419.606.395		
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-		
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-		
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-		
- Giảm khác	-	-	(2.047.343)	-	-	-	(2.047.343)		
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	1.969.806.222.882	-	-	-	-	(570.693.529.742)	1.399.112.693.140		
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-		
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	154.271.072.233	154.271.072.233		
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-		
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-		
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-		
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-		
Số dư cuối năm	1.969.806.222.882	-	-	-	-	(416.422.457.509)	1.553.383.765.373		



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của đối tượng khác	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Cộng	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2013</u> (VND)	<u>Năm 2012</u> (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Vốn góp đầu năm	1.969.806.222.882	1.969.658.929.882
Vốn góp tăng trong năm	-	147.293.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

3995

ÔNG
NHIỆM
M T
VIỆT
NHÀ
CÀ N
DÂN

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.561.037.522.543	2.638.427.179.711
Doanh thu bán điện	3.561.037.522.543	2.638.427.179.711

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	3.561.037.522.543	2.638.427.179.711
Doanh thu thuần bán điện	3.561.037.522.543	2.638.427.179.711

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.727.192.013.967	2.032.956.752.801
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	2.727.192.013.967	2.032.956.752.801

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.169.272.083	13.908.032.750
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	167.006	-
Cộng	8.169.439.089	13.908.032.750

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Chi phí lãi vay	434.810.230.957	469.302.361.346
Phí bảo lãnh	9.219.344.634	5.036.945.040
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	119.572.327.815	107.031.951.803
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	90.181.585.693	11.946.263.538
Cộng	653.783.489.099	593.317.521.727



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	154.271.072.233	419.606.395
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	196.980.622	196.977.185
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	783,18	2,13

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.099.848.368.185	1.300.444.243.994
Chi phí nhân công	70.569.789.310	63.349.423.520
Chi phí khấu hao TSCĐ	541.125.999.898	656.625.703.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.293.106.894	26.687.814.533
Chi phí khác bằng tiền	674.887.615.028	607.927.778.511
Cộng	3.417.724.879.315	2.655.034.963.585

6.9 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2013			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.101.565.232		13.101.565.232
Phải thu khách hàng	831.039.210.716		831.039.210.716
Phải thu khác	11.140.107.436		11.140.107.436
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi			
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT			
Tổng cộng	855.280.883.384		855.280.883.384
Ngày 31/12/2013			
Các khoản vay và nợ	1.051.267.871.803	5.570.040.624.955	6.621.308.496.758
Phải trả người bán	1.131.127.919.452		1.131.127.919.452
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	115.243.838.353		115.243.838.353
Tổng cộng	2.297.572.274.840	5.570.040.624.955	7.867.680.254.563
<i>Chênh lệch thanh khoản thuần</i>	<i>(1.442.358.746.224)</i>	<i>(5.570.040.624.955)</i>	<i>(7.012.399.371.179)</i>
Ngày 01/01/2013			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.055.619.262		8.055.619.262
Phải thu khách hàng	601.076.465.928		601.076.465.928
Phải thu khác	7.602.333.914		7.602.333.914
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi			
Dự Phòng giảm giá các khoản ĐT			
Tổng cộng	616.734.419.104		616.734.419.104
Ngày 01/01/2013			
Các khoản vay và nợ	945.952.199.346	6.492.927.036.097	7.438.879.235.443
Phải trả người bán	950.896.499.711		950.896.499.711
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	48.882.052.142		48.882.052.142
Tổng cộng	1.945.730.751.199	6.492.927.036.097	1.945.730.751.199
<i>Chênh lệch thanh khoản thuần</i>	<i>(1.328.996.332.095)</i>	<i>(6.492.927.036.097)</i>	<i>(7.821.923.368.192)</i>

395
 NG T
 HIỆM H
 M TO
 IỆT
 NHÁ
 À NỘ
 AN -

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	831.039.210.716	601.076.465.928	831.039.210.716	601.076.465.928
<i>Các khoản PT khác</i>	11.140.107.436	7.602.333.914	11.140.107.436	7.602.333.914
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	13.101.565.232	8.055.619.262	13.101.565.232	8.055.619.262
Tổng cộng	855.280.883.384	616.734.419.104	855.280.883.384	616.734.419.104
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	6.621.308.496.758	7.438.879.235.443	6.621.308.496.758	7.438.879.235.443
<i>Phải trả người bán</i>	1.131.127.919.452	950.896.499.711	1.131.127.919.452	950.896.499.711
<i>Phải trả khác</i>	115.243.838.353	48.882.052.142	115.243.838.353	48.882.052.142
Tổng cộng	7.867.680.254.563	8.438.657.787.296	7.867.680.254.563	8.438.657.787.296

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01/01/2013 và ngày 31/12/2013. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

6.10 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chính là phát điện cho hệ thống điện Quốc gia (bán toàn bộ điện cho Công ty mua bán điện). Do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng doanh thu của Công ty phát sinh hoàn toàn tại Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

T. C. P. H. A.
 Y. U. H. A. N.
 Á. N.
 N. A. M.
 N. H.
 P. H. A.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty Điện lực – Vinacomin, các đơn vị trong nội bộ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn Vinacomin được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Thu nhập năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Tổng Giám đốc</i>	<i>1.229.816.308</i>
<i>Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị</i>	<i>129.107.800</i>
Tổng cộng	1.358.924.108

Chi tiết giao dịch và số dư về các bên liên quan được thể hiện chi tiết tại các Bảng kê đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Vinacomin: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 04 - Vinacomin: Báo cáo đầu tư dài hạn khác;
- Phụ biểu B01-TSCĐ-HN: Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp từ các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị trong năm;
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2014

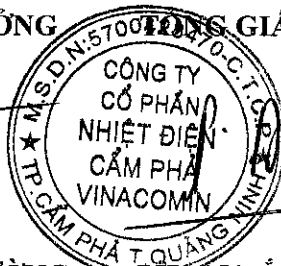
NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ DUNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM VĂN THƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM ĐẮC LÂM



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ- VINACOMIN

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

TT	Tên đơn vị bán	Đơn vị			Mua trong năm			Tồn cuối năm		
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)
A	B	C	1	2	3	4	5	6		
1	Công ty tuyển than Cửa Ông - Vinacomин Điện				6.118.335					
2	Công ty kho vận & Cảng Cẩm Phả Than		-		1.607.947.878.273					
3	XN Vật tư - Cty TNHH 1 thành viên Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomин Dầu				48.527.998.744					
4	Công ty cổ phần chế tạo máy Dịch vụ sửa chữa Vật tư, phụ tùng các loại				48.527.998.744					
5	Công ty CP cơ khí Hòn Gai - Vinacomин Thiết bị cơ nhiệt				2.727.188.636					
6	Công ty CP Du lịch và TM Vinacomин - Chi nhánh Vân Long Dịch vụ				1.827.874.236					
7	Công ty CP du lịch & thương mại Vinacomин-Chi nhánh Quảng Ninh Dịch vụ				899.314.400					
8	CTY CP VT & Đưa đón thợ mỏ- Vianacomин Thuê xe chờ CN				108.240.000					
9	Công ty CP Công nghiệp ô tô - Vinacomин Thiết bị cơ nhiệt				303.523.182					
10	Viện cơ khí năng lượng và mỏ Vinacomин Dịch vụ				303.523.182					
11	Công ty TNHH ITV Môi trường Vinacomин Chi phí trồng cây				269.610.000					
					269.610.000					
					51.350.000					
					51.350.000					
					5.363.136.884					
					1.214.100.000					
					4.149.036.884					
					333.799.796					
					333.799.796					
					176.174.431					



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ- VINACOMIN
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

TT	Tên đơn vị bán	Đơn vị		Mua trong năm		Tồn cuối năm		
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)
A	B	C	1	2	3	4	5	6
12	Công ty CP thiết bị điện Vinacomín Thiết bị cơ nhiệt Chi phí sửa chữa				261.453.480 13.670.000 247.783.480			
13	Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI Chi phí sửa chữa				1.145.967.884 1.145.967.884			
14	Công ty CP SX và kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI Thiết bị				5.306.132.281 5.306.132.281			
15	Trường Cao Đẳng nghề mỏ Hồng Cẩm Dịch vụ				63.000.000 63.000.000			
16	Chi nhánh Công ty CP XNK than - Vinacomín tại Quảng Ninh Đồ dùng				27.179.500 27.179.500			
	Tổng Cộng				1.672.618.751.426			

Người lập biểu

(Signature)

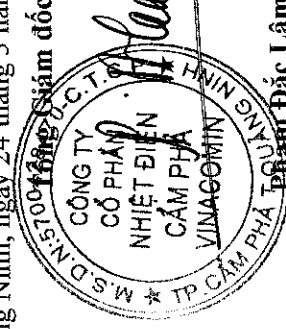
Nguyễn Thị Dung

Kế toán Trưởng

(Signature)

Phạm Văn Thường

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2014



Phạm Đức Lâm

CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Chi: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã	Chung loại than	AK bq	Đơn vị	Doanh thu		Giá vốn			
				Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)	Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)
B		c		1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG			-	-	6.095.278	-	-	6.095.278
	CÔNG TY TNHH MTV VIVI& XD					6.095.278			6.095.278
	Điện					6.095.278			6.095.278

Người lập biểu



Nguyễn Thị Dung

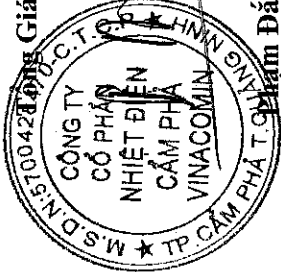
Kế toán Trưởng



Phạm Văn Thường

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Trưởng Giám đốc



Phạm Văn Đức Lâm

CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 chi: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Vào ngày 31/12/2013

Tên đơn vị	Các khoản công nợ					Đơn vị: VND
	131	138	331	336	335	
B	1	2	3	4	5	
NỢ PHẢI THU	37.656.324	-	-	-	-	-
CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	37.656.324	-	-	-	-	-
Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	-	-	-	-	-
Công ty Nhiệt điện Sơn Động - Vinacomin	37.656.324	-	-	-	-	-
CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-
CỘNG	37.656.324	-	-	-	-	-
NỢ PHẢI TRẢ	-	251.658.332.243	249.690.849	84.913.345.098	4.547.296.026.368	-
CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	-	251.658.332.243	249.690.849	-	-	-
Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin	-	-	249.690.849	-	-	-
Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	43.919.451	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	-	714.089.413	-	-	-	-
XN Vật tư - Công ty TNHH ITV VITVT & Xếp dỡ - Vinacomin	-	100.095.028	-	-	-	-
Công ty Cổ phần thiết bị điện Vinacomin	-	208.128.910	-	-	-	-
Công ty Cổ phần SX và KD vật tư thiết bị - VVMI	-	17.770.365	-	-	-	-
Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	694.479.606	-	-	-	-
Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	-	-	-	-	-
CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-
Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin	-	251.658.332.243	249.690.849	84.913.345.098	4.547.296.026.368	-
CỘNG	-	251.658.332.243	249.690.849	84.913.345.098	4.547.296.026.368	-

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2014
 CÔNG TẬP ĐOÀN
 CỔ PHẦN
 NHIỆT ĐIỆN
 CẨM PHẢ
 VINACOMIN
 TP. CẨM PHẢ, T. QUẢNG NINH
 Phạm Văn Thường Đắc Lâm

Kế toán Trưởng
 Phạm Văn Thường

Người lập biểu
 Nguyễn Thị Dung

